

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP
TẮM LÁ THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *73* /TNFS-CV

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 20 tháng 08 năm 2017

V/v: giải trình chậm công bố báo cáo tài chính bán niên 2017

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ thông tư số 155/2015-TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin của công ty đại chúng. Công ty Cổ phần Thép Tắm Lá Thống Nhất (TNFS) xin giải trình về việc chậm công bố báo cáo tài chính của TNFS như sau: do quá trình làm việc giữa TNFS và Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC bị kéo dài hơn nên việc phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ bị trễ, thời gian dự kiến nộp báo cáo tài chính cho Quý cơ quan là ngày 25/08/2017.

Rất mong được sự hỗ trợ của quý Ủy ban và quý Sở.

Xin trân trọng và cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở giao dịch CKHN;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Chữ ký, đóng dấu) 

Nguyễn Văn Đại

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP
TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **74** /TNFS-CV

Tân Thành, ngày 10 tháng 08 năm 2017

V/v: giải trình lợi nhuận sau
thuế 6 tháng năm 2017

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần thép tấm lá Thống Nhất (TNFS) xin giải trình về lợi nhuận sau thuế (LNST) của TNFS 6 tháng năm 2017 so với 6 tháng năm 2016 như sau:
Sản lượng 6 tháng năm 2017 tăng 202% so với 6 tháng năm 2016. Doanh thu 6 tháng 2017 tăng 162% so với 6 tháng 2016 và chi phí sản xuất 6 tháng 2017 giảm 21% so với 6 tháng 2016. Dẫn đến LNST 6 tháng năm 2017 tăng cao so với LNST 6 tháng năm 2016. Đây là các nguyên nhân chính dẫn đến LNST 6 tháng năm 2017 của TNFS đạt kết quả khả quan.

Xin trân trọng và cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở giao dịch CKHN;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Chữ ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Đại

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP
TẮM LÁ THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80 /TNFS-CV

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 25 tháng 08 năm 2017

V/v: giải trình ý kiến kiểm toán
ngoại trừ

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ thông tư số 155/2015-TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin của công ty đại chúng;
- Căn cứ báo cáo tài chính bán niên của Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất (TNFS) năm 2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

TNFS xin giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên liên quan đến việc thực hiện phân loại lại các khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

Do các khoản vay dài hạn từ VCB/CFC đã được TNFS làm việc với VCB/CFC tái cơ cấu các khoản nợ này và hiện tại TNFS và VCB/CFC đã thống nhất phương án tập trung trả nợ gốc tối thiểu 2,5 tỷ/tháng theo công văn số 3061/HCM-KHDN2 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN. TP.HCM ngày 06/06/2016.

Vì vậy, báo cáo tài chính bán niên 2017, TNFS đã không phân loại nợ đến hạn trả trong kỳ báo cáo.

Vấn đề trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đơn hàng Công ty Tôn Phương Nam trong năm 2016, TNFS đã hoàn nhập giá trị này vào báo cáo tài chính bán niên 2017.

Xin trân trọng và cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở giao dịch CKHN;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Chữ ký, đóng dấu)


Nguyễn Văn Đại

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TẤM LÁ THỐNG NHẤT **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81 /TNFS-CV

Tân Thành, ngày 10 tháng 08 năm 2017

V/v: giải trình lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2016

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần thép tấm lá Thống Nhất (TNFS) xin giải trình về lợi nhuận sau thuế (LNST) của TNFS 6 tháng năm 2016 chênh lệch 5% sau kiểm toán như sau:

| Loại báo cáo | Phân loại và trình bày lại | Đã trình bày trên báo cáo kỳ trước | Tăng/ giảm (VNĐ) |
|----------------------------|----------------------------|------------------------------------|------------------|
| Báo cáo kết quả kinh doanh | 2016 (Tại 30/06/17) | 2016 (Tại 30/06/16) | |
| Chi phí tài chính | 6.809.270.766 | 11.782.065.272 | (4.972.794.506) |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 13.431.979.625 | 8.459.185.119 | 4.972.794.506 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 13.431.979.625 | 8.459.185.119 | 4.972.794.506 |

Đây là các nguyên chính dẫn đến LNST 6 tháng năm 2016 năm nay chênh lệch so với 6 tháng 2016 đã trình bày trước đó.
Xin trân trọng và cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở giao dịch CKHN;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Chữ ký, đóng dấu)



Nguyễn Văn Đại

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu, Việt Nam

NỘI DUNG

| | Trang |
|---|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02-03 |
| Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 04 -05 |
| Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét | 06-34 |
| Bảng cân đối kế toán giữa niên độ | 06-07 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ | 08 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ | 09-10 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ | 11-34 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 16 tháng 02 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|---------------------|------------|
| Ông Trần Ngọc Tuấn | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Ngọc Anh | Thành viên |
| Ông Lê Việt | Thành viên |
| Ông Tạ Ngọc Long | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Đại | Thành viên |
| Bà Võ Thị Lê Châu | Thành viên |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|--------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Văn Đại | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Huy Thọ | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | |
|------------------------|------------|
| Bà Lê Thúy Trinh | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Mây | Thành viên |
| Bà Huỳnh Thị Lệ Nga | Thành viên |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đại
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được lập ngày 10 tháng 07 năm 2017, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Công ty đang thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm 2016 cao hơn thực tế là 7.517.579.637 đồng đồng thời hoàn nhập giá trị này vào kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017. Do đó chỉ tiêu Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2017 đang phản ánh cao hơn so với thực tế và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2017 đang phản ánh thấp hơn so với thực tế cùng số tiền là 7.517.579.637 đồng; chỉ tiêu Giá vốn hàng bán trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 phản ánh thấp hơn thực tế cùng số tiền tương ứng.

Trong năm 2016, Công ty đã ký các hợp đồng cung cấp thép tấm lá số 01,02,03/HĐMB-2016-TNFS với giá bán cố định bình quân là 8.891.940 đồng/tấn với Công ty Tôn Phương Nam, tổng số lượng thép tấm lá theo các hợp đồng là 5.000 tấn, Công ty đã cung cấp được 2.857 tấn, còn 2.143 tấn chưa cung cấp. Tuy nhiên do giá liên tục tăng, nên tới thời điểm hiện tại Công ty không thực hiện các hợp đồng này nữa. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được chính xác giá trị khoản thiệt hại có thể phát sinh nếu Công ty hủy bỏ hợp đồng nêu trên hoặc tiếp tục cung cấp bổ sung lượng hàng còn thiếu theo các hợp đồng đã ký với Công ty Tôn Phương Nam. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh khoản Dự phòng phải trả đối với hợp đồng này hay không.

Thời điểm 30/06/2017, Công ty chưa thực hiện phân loại lại các khoản vay dài hạn đến hạn trả với giá trị 71.605.280.598 đồng. Do đó chỉ tiêu Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán đang phản ánh thấp hơn thực tế số tiền 71.605.280.598 đồng và chỉ tiêu Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đang phản ánh cao hơn thực tế số tiền tương ứng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Tầm lá Thống Nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 30/06/2017, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 142,74 tỷ đồng; lỗ lũy kế đến 30/06/2017 là 196,75 tỷ đồng. Những sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày tại Thuyết minh số 1.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤTKhu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 109.391.744.578 | 127.632.256.586 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 17.141.240.511 | 10.831.908.050 |
| 111 | 1. Tiền | | 7.016.018.289 | 4.831.908.050 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 10.125.222.222 | 6.000.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 37.167.583.535 | 28.417.077.980 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 4 | 22.896.666.740 | 16.679.151.872 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 5 | 4.680.053.805 | 838.365.787 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 6 | 9.590.862.990 | 10.899.560.321 |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 7 | 53.002.409.211 | 85.775.298.933 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 61.622.060.526 | 93.292.878.570 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (8.619.651.315) | (7.517.579.637) |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 2.080.511.321 | 2.607.971.623 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 9 | 1.442.879.174 | 321.423.357 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 557.282.437 | 2.222.320.492 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 11 | 80.349.710 | 64.227.774 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 383.742.138.650 | 384.538.300.855 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 366.133.335.097 | 380.204.849.932 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 8 | 366.133.335.097 | 380.204.849.932 |
| 222 | - Nguyên giá | | 540.620.465.697 | 540.620.465.697 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (174.487.130.600) | (160.415.615.765) |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 17.608.803.553 | 4.333.450.923 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 9 | 17.608.803.553 | 4.333.450.923 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 493.133.883.228 | 512.170.557.441 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤTKhu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|------------|---|-------------|------------------------|-------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 489.117.896.373 | 563.811.095.508 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 252.127.509.577 | 316.741.626.417 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 10 | 90.487.088.764 | 141.758.943.373 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 3.585.664.123 | 6.118.406.317 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 11 | 6.549.409.340 | - |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 1.183.472.117 | 619.502.201 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 12 | 77.990.216.287 | 72.643.694.271 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 13 | 289.797.985 | 172.156.838 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 14 | 71.918.481.154 | 95.305.543.610 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | | 123.379.807 | 123.379.807 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 236.990.386.796 | 247.069.469.091 |
| 338 | 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 14 | 236.990.386.796 | 247.069.469.091 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 4.015.986.855 | (51.640.538.067) |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 15 | 4.015.986.855 | (51.640.538.067) |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| 411a | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| 418 | 2. Quỹ đầu tư phát triển | | 769.839.744 | 769.839.744 |
| 421 | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | (196.753.852.889) | (252.410.377.811) |
| 421a | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | (252.410.377.811) | (285.728.497.578) |
| 421b | LNST chưa phân phối kỳ này | | 55.656.524.922 | 33.318.119.767 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 493.133.883.228 | 512.170.557.441 |


 Ngô Thị Lan Anh
 Người lập


 Trần Thị Thùy Trang
 Kế toán trưởng



 Nguyễn Văn Đại
 Tổng Giám đốc

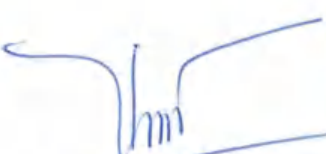

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 07 năm 2017


CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤTKhu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt NamBáo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm | 6 tháng đầu năm |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | 2017 | 2016 |
| | | | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 16 | 876.683.625.147 | 541.344.576.738 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 17 | 252.825.597 | 126.698.148 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 876.430.799.550 | 541.217.878.590 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 18 | 809.230.146.090 | 519.001.712.520 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 67.200.653.460 | 22.216.166.070 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 19 | 702.869.033 | 1.715.543.116 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 20 | 5.992.870.617 | 6.809.270.766 |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 5.982.794.617 | 6.795.602.410 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | 21 | 1.198.971.651 | 1.600.844.480 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 22 | 4.604.037.378 | 2.913.678.542 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 56.107.642.847 | 12.607.915.398 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 23 | 59.602.906 | 976.680.389 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 24 | 510.720.831 | 152.616.162 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | (451.117.925) | 824.064.227 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 55.656.524.922 | 13.431.979.625 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 25 | - | - |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 55.656.524.922 | 13.431.979.625 |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 26 | 2.783 | 672 |


Ngô Thị Lan Anh
Người lập


Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Đại
Tổng Giám đốc



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤTKhu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm | 6 tháng đầu năm |
|-------|--|-------------|------------------|------------------|
| | | | 2017 | 2016 |
| | | | VND | VND |
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 55.656.524.922 | 13.431.979.625 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | | 14.071.514.835 | 14.118.345.995 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 1.102.071.678 | 2.637.740.564 |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | (155.475.968) | (1.646.170.933) |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (547.393.065) | (69.372.183) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 5.982.794.617 | 6.795.602.410 |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 76.110.037.019 | 35.268.125.478 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | (7.230.316.526) | (15.556.652.734) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | 31.670.818.044 | (55.259.181.191) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | (47.245.851.717) | 57.840.067.261 |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | (14.396.808.447) | (267.320.126) |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | 10.360.291 | (2.131.709.183) |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | - | (236.179.807) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 38.918.238.664 | 19.657.149.698 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 27 | 1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 676.120.155 | 69.372.183 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | 676.120.155 | 69.372.183 |
| | III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 33 | 1. Tiền thu từ đi vay | | 5.700.000.000 | - |
| 34 | 2. Tiền trả nợ gốc vay | | (38.985.026.358) | (4.967.350.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (33.285.026.358) | (4.967.350.000) |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm | 6 tháng đầu năm |
|-------|----------------------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | 2017 | 2016 |
| | | | VND | VND |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | 6.309.332.461 | 14.759.171.881 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 10.831.908.050 | 1.900.933.938 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 3 | <u>17.141.240.511</u> | <u>16.660.105.819</u> |



[Signature]
Ngô Thị Lan Anh
Người lập

[Signature]
Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

[Signature]
Nguyễn Văn Đại
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 16 tháng 02 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 6 tháng đầu năm 2017, Công ty đã ký kết được các hợp đồng lớn về gia công và cung cấp hàng hóa cho Công ty Tôn Phương Nam và Công ty Cổ phần Tôn Đông Á, nhờ đó đã đẩy doanh thu bán hàng tăng 63% và lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty đã tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

Tại thời điểm 30/06/2017, lỗ lũy kế của Công ty là 196.753.852.889 đồng, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 142.735.764.999 đồng. Tuy nhiên các khoản nợ vay ngân hàng của Công ty được Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP bảo lãnh và các khoản nợ khác của Công ty với các đơn vị trong cùng Tổng Công ty được cho trả dần nợ trong nhiều năm cho đến khi Công ty có đủ khả năng trả nợ. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả bên ngoài vẫn được thanh toán đúng tiến độ và không có nợ quá hạn. Các hợp đồng sản xuất và gia công vẫn đảm bảo cho Công ty hoạt động, thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn. Do vậy Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 được lập dựa trên giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục là phù hợp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành ở mỗi giai đoạn sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo giấy phép đầu tư số 492031000061 chứng nhận lần đầu ngày 20/09/2007: Thuế suất 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 28% (nay là 20%) lợi nhuận thu được trong các năm tiếp theo. Miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 233.288.630 | 108.669.376 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 6.782.729.659 | 4.723.238.674 |
| Các khoản tương đương tiền | 10.125.222.222 | 6.000.000.000 |
| | 17.141.240.511 | 10.831.908.050 |

Tại 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 10.125.222.222 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với lãi suất 4,9 %/năm.

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

| | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn | | |
| - Công ty Cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long | - | 16.522.742.357 |
| - Công ty Cổ phần Tôn Đông Á | 21.775.330.841 | - |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 1.121.335.899 | 156.409.515 |
| | 22.896.666.740 | 16.679.151.872 |

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 30/06/2017 | | 01/01/2017 | |
|---|----------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty TNHH STD & D | 2.539.749.480 | - | 158.311.180 | - |
| Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam Việt | 1.706.383.800 | - | - | - |
| Trả trước cho người bán khác | 433.920.525 | - | 680.054.607 | - |
| | 4.680.053.805 | - | 838.365.787 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤTKhu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

6 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

| | 30/06/2017 | | 01/01/2017 | |
|--|----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay | 2.230.335 | - | 130.957.425 | - |
| Tạm ứng | 249.844.599 | - | 233.444.816 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 9.334.712.905 | - | 10.535.158.080 | - |
| Phải thu khác | 4.075.151 | - | - | - |
| | 9.590.862.990 | - | 10.899.560.321 | - |

7 . HÀNG TỒN KHO

| | 30/06/2017 | | 01/01/2017 | |
|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 30.805.533.400 | (7.710.732.096) | 44.983.952.401 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 44.786.411 | - | 58.158.284 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 3.856.138.897 | - | 9.682.147.171 | - |
| Thành phẩm | 12.074.816.947 | (908.919.219) | 11.823.648.760 | (7.517.579.637) |
| Hàng hoá | 14.840.784.871 | - | 26.744.971.954 | - |
| | 61.622.060.526 | (8.619.651.315) | 93.292.878.570 | (7.517.579.637) |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | | Máy móc, thiết bị | | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | | Thiết bị, dụng cụ quản lý | | Cộng | |
|-------------------------------|------------------------|-----------------|-------------------|---------------|---------------------------------|-----------------|---------------------------|-----|------|-----|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 74.830.811.937 | 444.684.042.360 | 19.925.625.063 | 1.179.986.337 | 160.415.615.765 | 540.620.465.697 | | | | |
| Số dư cuối kỳ | 74.830.811.937 | 444.684.042.360 | 19.925.625.063 | 1.179.986.337 | 160.415.615.765 | 540.620.465.697 | | | | |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 13.049.448.877 | 132.920.154.162 | 13.391.608.602 | 1.054.404.124 | 14.071.514.835 | 174.487.130.600 | | | | |
| - Khấu hao trong kỳ | 1.018.087.212 | 12.044.134.637 | 971.720.136 | 37.572.850 | 14.071.514.835 | 174.487.130.600 | | | | |
| Số dư cuối kỳ | 14.067.536.089 | 144.964.288.799 | 14.363.328.738 | 1.091.976.974 | 14.071.514.835 | 174.487.130.600 | | | | |
| Giá trị còn lại | | | | | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 61.781.363.060 | 311.763.888.198 | 6.534.016.461 | 125.582.213 | 146.144.100.930 | 366.133.335.097 | | | | |
| Tại ngày cuối kỳ | 60.763.275.848 | 299.719.753.561 | 5.562.296.325 | 88.009.363 | 132.072.586.925 | 331.646.204.497 | | | | |

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 300.862.998.500 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.411.919.682 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤTKhu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | <u>30/06/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 859.031.685 | 174.562.438 |
| Chi phí bảo hiểm | 213.636.580 | 146.860.919 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 370.210.909 | - |
| | <u>1.442.879.174</u> | <u>321.423.357</u> |
| b) Dài hạn | | |
| Công cụ, dụng cụ và sửa chữa máy | 3.767.343.251 | 4.333.450.923 |
| Trục cán thép và phụ tùng trục cán | 13.841.460.302 | - |
| | <u>17.608.803.553</u> | <u>4.333.450.923</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 30/06/2017 | | 01/01/2017 | |
|--|-----------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn | | | | |
| - Công ty TNHH MTV Thép Tâm lá Phú Mỹ - Vnsteel | 31.815.198.082 | 31.815.198.082 | 29.719.564.427 | 29.719.564.427 |
| - Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh | 49.714.486.346 | 49.714.486.346 | 51.159.408.691 | 51.159.408.691 |
| - Công ty Cổ phần Tôn Đồng Á | - | - | 28.648.509.137 | 28.648.509.137 |
| - Công ty TNHH XD&TM Phương Long | - | - | 22.905.665.546 | 22.905.665.546 |
| - Phải trả các đối tượng khác | 8.957.404.336 | 8.957.404.336 | 9.325.795.572 | 9.325.795.572 |
| | 90.487.088.764 | 90.487.088.764 | 141.758.943.373 | 141.758.943.373 |
| b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.) | 81.529.684.428 | 81.529.684.428 | 80.878.973.118 | 80.878.973.118 |



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số phải thu cuối kỳ | Số phải nộp cuối kỳ |
|--|---------------------|---------------------|----------------------|-------------------------|---------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế Giá trị gia tăng | - | - | 9.874.676.955 | 3.325.267.615 | - | 6.549.409.340 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 64.227.774 | - | 62.003.697 | 78.125.633 | 80.349.710 | - |
| Thuế bảo vệ môi trường | - | - | 13.320.000 | 13.320.000 | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 5.000.000 | 5.000.000 | - | - |
| | 64.227.774 | - | 9.955.000.652 | 3.421.713.248 | 80.349.710 | 6.549.409.340 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤTKhu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | <u>30/06/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| - Chi phí lãi vay | 44.049.714.523 | 38.056.559.615 |
| - Lãi chậm trả công nợ mua nguyên vật liệu | 33.284.372.760 | 33.284.373.760 |
| - Lương phép và lương tháng 13 | - | 1.123.733.590 |
| - Thuê nhà nghỉ ca | - | 26.000.000 |
| - Chi phí phải trả khác | 656.129.004 | 153.027.306 |
| | <u><u>77.990.216.287</u></u> | <u><u>72.643.694.271</u></u> |

13 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

| | <u>30/06/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| - Kinh phí công đoàn | 14.920.713 | 6.012.453 |
| - Bảo hiểm xã hội | 106.128.814 | - |
| - Bảo hiểm y tế | 18.187.852 | - |
| - Bảo hiểm thất nghiệp | 8.163.759 | - |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 142.396.847 | 166.144.385 |
| | <u><u>289.797.985</u></u> | <u><u>172.156.838</u></u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

| | 01/01/2017 | | Trong kỳ | | 30/06/2017 | |
|---|------------------------|------------------------|----------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| 14 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH | | | | | | |
| a) Vay ngắn hạn | | | | | | |
| - Nợ dài hạn đến hạn trả | 95.305.543.610 | 95.305.543.610 | - | 23.387.062.456 | 71.918.481.154 | 71.918.481.154 |
| - Hợp đồng đồng tài trợ giữa Vietcombank và CFC | 95.305.543.610 | 95.305.543.610 | - | 23.387.062.456 | 71.918.481.154 | 71.918.481.154 |
| - Công ty CP Tài chính Xi măng (CFC) ^(a) | 63.840.253.306 | 63.840.253.306 | - | 14.681.422.165 | 49.158.831.141 | 49.158.831.141 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b) | 31.465.290.304 | 31.465.290.304 | - | 8.705.640.291 | 22.759.650.013 | 22.759.650.013 |
| | 95.305.543.610 | 95.305.543.610 | - | 23.387.062.456 | 71.918.481.154 | 71.918.481.154 |
| b) Vay dài hạn | | | | | | |
| - Hợp đồng đồng tài trợ giữa Vietcombank và CFC | 239.994.522.735 | 239.994.522.735 | - | 23.466.144.751 | 216.528.377.984 | 216.528.377.984 |
| - Công ty CP Tài chính Xi măng (CFC) ^(a) | 151.506.965.044 | 151.506.965.044 | - | 14.734.136.332 | 136.772.828.712 | 136.772.828.712 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b) | 88.487.557.691 | 88.487.557.691 | - | 8.732.008.419 | 79.755.549.272 | 79.755.549.272 |
| - Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP ^(c) | 102.380.489.966 | 102.380.489.966 | - | 10.000.000.000 | 92.380.489.966 | 92.380.489.966 |
| | 342.375.012.701 | 342.375.012.701 | - | 33.466.144.751 | 308.908.867.950 | 308.908.867.950 |
| | (95.305.543.610) | (95.305.543.610) | - | (23.387.062.456) | (71.918.481.154) | (71.918.481.154) |
| Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng | 247.069.469.091 | 247.069.469.091 | | | 236.990.386.796 | 236.990.386.796 |
| Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng | | | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(a) Khoản vay Công ty Cổ phần Tài chính Xi măng (CFC) bao gồm 03 hợp đồng, chi tiết:

- (1) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.01 ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 10.000.000 USD;
 - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư Dự Án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 216 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 3.558.555,61 USD, tương đương với 81.028.311.240 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự Án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 242/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

- (2) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.02 ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 10.000.000 USD;
 - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư Dự Án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 216 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.150.869,39 USD, tương đương với 26.205.296.010 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự Án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 242/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

- (3) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 55.340.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư Dự Án bao gồm: các chi chí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 216 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 29.539.221.463 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự Án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam bao gồm 02 hợp đồng, chi tiết:

(1) Hợp đồng tín dụng số VCB.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 30/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 77.310.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư Dự Án bao gồm: các chi chí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 216 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên và được điều chỉnh 3 tháng 1
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 28.331.781.272 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự Án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(2) Hợp đồng tín dụng số VCB.2016.0017/ĐTDA/09CN ngày 30/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 5.000.000 USD;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư Dự Án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng.
- + Thời hạn của hợp đồng: 216 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 2.258.400 USD, tương đương với 51.423.768.000 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự Án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(c) Khoản vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP:

Đây là khoản Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty đối với các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; lãi suất là 6,5%/năm. Số dư tại ngày 30/06/2017 là 92.380.489.966 đồng.

c) Các khoản vay đối với các bên liên quan

| | 30/06/2017 | | 01/01/2017 | |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | Gốc VND | Lãi VND | Gốc VND | Lãi VND |
| Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP | | | | |
| (1) | 92.380.489.966 | 20.188.142.638 | 102.380.489.966 | 20.188.142.638 |
| | 92.380.489.966 | 20.188.142.638 | 102.380.489.966 | 20.188.142.638 |

Ghi chú:

(1) Cổ đông sáng lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Quý đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Cộng VND |
|---------------------|----------------------------------|------------------------------|---------------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm trước | 200.000.000.000 | 769.839.744 | (285.728.497.578) | (84.958.657.834) |
| Lãi trong kỳ trước | - | - | 13.431.979.625 | 13.431.979.625 |
| Số dư cuối kỳ trước | 200.000.000.000 | 769.839.744 | (272.296.517.953) | (71.526.678.209) |
| Số dư đầu năm nay | 200.000.000.000 | 769.839.744 | (252.410.377.811) | (51.640.538.067) |
| Lãi trong kỳ này | - | - | 55.656.524.922 | 55.656.524.922 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ này | 200.000.000.000 | 769.839.744 | (196.753.852.889) | 4.015.986.855 |

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Cuối kỳ VND | Tỷ lệ (%) | Đầu kỳ VND | Tỷ lệ (%) |
|---------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|
| Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP | 62.494.810.000 | 31,25% | 62.494.810.000 | 31,25% |
| Công ty Tôn Phương Nam | 10.000.000.000 | 5,00% | 10.000.000.000 | 5,00% |
| Công ty CP Kim khí Hồ Chí Minh | 14.000.000.000 | 7,00% | 14.000.000.000 | 7,00% |
| Công ty TNHH Thương mại Thép Mười Đáy | 2.800.000.000 | 1,40% | 2.800.000.000 | 1,40% |
| Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC | 14.000.000.000 | 7,00% | 14.000.000.000 | 7,00% |
| Công ty CP Tài chính Xi Măng | 11.999.090.000 | 6,00% | 11.999.090.000 | 6,00% |
| Các cổ đông khác | 84.706.100.000 | 42,35% | 84.706.100.000 | 42,35% |
| | 200.000.000.000 | 100% | 200.000.000.000 | 100% |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

| | | |
|---|-------------------------|-------------------------|
| c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận | | |
| | 6 tháng đầu năm 2017 | 6 tháng đầu năm 2016 |
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| - <i>Vốn góp đầu kỳ</i> | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| - <i>Vốn góp cuối kỳ</i> | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| d) Cổ phiếu | | |
| | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |
| e) Các quỹ công ty | | |
| | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
| | VND | VND |
| Quỹ đầu tư phát triển | 769.839.744 | 769.839.744 |
| | 769.839.744 | 769.839.744 |
| 16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ | | |
| | 6 tháng đầu năm 2017 | 6 tháng đầu năm 2016 |
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng | 763.625.897.172 | 509.099.513.967 |
| Doanh thu gia công | 100.828.258.707 | 25.998.783.429 |
| Doanh thu bán phế liệu | 12.229.469.268 | 6.246.279.342 |
| | 876.683.625.147 | 541.344.576.738 |
| Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.) | 210.458.520.340 | 66.815.317.631 |
| 17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU | | |
| | 6 tháng đầu năm 2017 | 6 tháng đầu năm 2016 |
| | VND | VND |
| Hàng bán bị trả lại | 98.989.642 | - |
| Giảm giá hàng bán | 153.835.955 | 126.698.148 |
| | 252.825.597 | 126.698.148 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKhu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | 6 tháng đầu năm 2017 | 6 tháng đầu năm 2016 |
|--------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 735.456.653.425 | 490.793.365.786 |
| Giá vốn phế liệu | 11.819.468.796 | 6.355.063.681 |
| Giá vốn dịch vụ gia công | 60.851.952.191 | 19.199.889.980 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 1.102.071.678 | 2.653.393.073 |
| | 809.230.146.090 | 519.001.712.520 |

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 6 tháng đầu năm 2017 | 6 tháng đầu năm 2016 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 547.393.065 | 69.372.183 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ | 155.475.968 | 1.646.170.933 |
| | 702.869.033 | 1.715.543.116 |

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 6 tháng đầu năm 2017 | 6 tháng đầu năm 2016 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 5.982.794.617 | 6.795.602.410 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ | 10.076.000 | 13.668.356 |
| | 5.992.870.617 | 6.809.270.766 |

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | 6 tháng đầu năm 2017 | 6 tháng đầu năm 2016 |
|---------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân công | 657.736.779 | 604.780.129 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 541.234.872 | 934.762.079 |
| Chi phí khác bằng tiền | - | 61.302.272 |
| | 1.198.971.651 | 1.600.844.480 |

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 6 tháng đầu năm 2017 | 6 tháng đầu năm 2016 |
|----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 147.237.787 | - |
| Chi phí nhân công | 1.828.763.876 | 1.296.683.746 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 115.388.494 | 122.469.512 |
| Thuế, phí, lệ phí | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.044.676.557 | 981.632.320 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.462.970.664 | 507.892.964 |
| | 4.604.037.378 | 2.913.678.542 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKhu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

23 . THU NHẬP KHÁC

| | 6 tháng đầu năm 2017 | 6 tháng đầu năm 2016 |
|--------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Hoàn thuế nhà thầu | - | 976.680.389 |
| Thu nhập khác | 59.602.906 | - |
| | 59.602.906 | 976.680.389 |

24 . CHI PHÍ KHÁC

| | 6 tháng đầu năm 2017 | 6 tháng đầu năm 2016 |
|-------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Các khoản bị phạt | 75.789.418 | 96.309.199 |
| Chi phí khác | 434.931.413 | 56.306.963 |
| | 510.720.831 | 152.616.162 |

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | 6 tháng đầu năm 2017 | 6 tháng đầu năm 2016 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 55.656.524.922 | 13.431.979.625 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (55.656.524.922) | (13.431.979.625) |
| - Chuyển lỗ các năm trước | (55.656.524.922) | (13.431.979.625) |
| Thu nhập chịu thuế TNDN | - | - |
| Thuế suất thuế TNDN | 15% | 15% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ | - | - |
| Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ | - | - |

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | 6 tháng đầu năm 2017 | 6 tháng đầu năm 2016 |
|--|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận sau thuế | 55.656.524.922 | 13.431.979.625 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | 55.656.524.922 | 13.431.979.625 |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 2.783 | 672 |

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKhu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | 6 tháng đầu năm 2017 VND | 6 tháng đầu năm 2016 VND |
|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 770.600.254.066 | 482.372.382.883 |
| Chi phí nhân công | 9.018.688.815 | 5.797.475.694 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 14.071.514.835 | 14.118.345.995 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 16.946.820.768 | 12.674.682.576 |
| Chi phí khác bằng tiền | 3.416.173.454 | 1.416.538.164 |
| | 814.053.451.938 | 516.379.425.312 |

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

| | Giá trị số kế toán | | | |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | 30/06/2017 | | 01/01/2017 | |
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.141.240.511 | - | 10.831.908.050 | - |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 32.487.529.730 | - | 27.578.712.193 | - |
| | 49.628.770.241 | - | 38.410.620.243 | - |

| | Giá trị số kế toán | |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | 30/06/2017 VND | 01/01/2017 VND |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Vay và nợ | 308.908.867.950 | 342.375.012.701 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 90.776.886.749 | 141.931.100.211 |
| Chi phí phải trả | 77.990.216.287 | 72.643.694.271 |
| | 477.675.970.986 | 556.949.807.183 |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Tổng VND |
|---------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Tại ngày 30/06/2017 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.141.240.511 | - | - | 17.141.240.511 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 32.487.529.730 | - | - | 32.487.529.730 |
| | 49.628.770.241 | - | - | 49.628.770.241 |
| Tại ngày 01/01/2017 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 10.831.908.050 | - | - | 10.831.908.050 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 27.578.712.193 | - | - | 27.578.712.193 |
| | 38.410.620.243 | - | - | 38.410.620.243 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤTKhu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|--------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 30/06/2017 | | | | |
| Vay và nợ | 71.918.481.154 | 236.990.386.796 | - | 308.908.867.950 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 90.776.886.749 | - | - | 90.776.886.749 |
| Chi phí phải trả | 77.990.216.287 | - | - | 77.990.216.287 |
| | 240.685.584.190 | 236.990.386.796 | - | 477.675.970.986 |
| Tại ngày 01/01/2017 | | | | |
| Vay và nợ | 95.305.543.610 | 247.069.469.091 | - | 342.375.012.701 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 141.931.100.211 | - | - | 141.931.100.211 |
| Chi phí phải trả | 72.643.694.271 | - | - | 72.643.694.271 |
| | 309.880.338.092 | 247.069.469.091 | - | 556.949.807.183 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thép tấm lá và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 14.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

| | Mối quan hệ | 6 tháng đầu năm | 6 tháng đầu năm |
|---|---------------------|------------------------|-----------------------|
| | | 2017 | 2016 |
| | | VND | VND |
| Doanh thu | | 210.458.520.340 | 66.815.317.631 |
| Công ty Tôn Phương Nam | Cổ đông sáng lập | 194.718.961.340 | 64.932.989.352 |
| Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel | Công ty con của TCT | - | 1.882.328.279 |
| Công ty CP Kim khí TP. Hồ Chí Minh | Cổ đông sáng lập | 15.739.559.000 | - |
| Mua hàng | | 118.546.887.909 | 82.064.821.560 |
| Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel | Công ty con của TCT | 81.094.572.497 | 19.678.076.325 |
| Công ty CP Kim khí TP. Hồ Chí Minh | Cổ đông sáng lập | 37.245.053.500 | 62.386.745.235 |
| Công ty Tôn Phương Nam | Cổ đông sáng lập | 207.261.912 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKhu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa
- Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017


| Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán: | Mối quan hệ | 30/06/2017 | 01/01/2017 |
|---|---------------------|-----------------------|------------------------|
| | | VND | VND |
| Phải trả người bán ngắn hạn | | 81.529.684.428 | 80.878.973.118 |
| Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel | Công ty con của TCT | 31.815.198.082 | 29.719.564.427 |
| Công ty CP Kim khí TP. Hồ Chí Minh | Cổ đông sáng lập | 49.714.486.346 | 51.159.408.691 |
| Người mua trả tiền trước | | 2.702.255.107 | 2.621.574.558 |
| Công ty Tôn Phương Nam | Cổ đông sáng lập | 2.702.255.107 | 2.621.574.558 |
| Lãi trả chậm | | 33.284.373.760 | 33.284.373.760 |
| Công ty CP Kim khí TP. Hồ Chí Minh | Cổ đông sáng lập | 10.158.875.813 | 10.158.875.813 |
| Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel | Công ty con của TCT | 12.347.582.441 | 12.347.582.441 |
| Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP | Cổ đông sáng lập | 10.777.915.506 | 10.777.915.506 |
| Vay của Tổng Công ty | | 92.380.489.966 | 102.380.489.966 |
| Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP | Cổ đông sáng lập | 92.380.489.966 | 102.380.489.966 |
| Lãi vay của Tổng Công ty | | 20.188.142.638 | 20.188.142.638 |
| Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP | Cổ đông sáng lập | 20.188.142.638 | 20.188.142.638 |
| Giao dịch với các bên liên quan khác như sau: | | 6 tháng đầu năm 2017 | 6 tháng đầu năm 2016 |
| | | VND | VND |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị | | 442.614.581 | 293.400.327 |

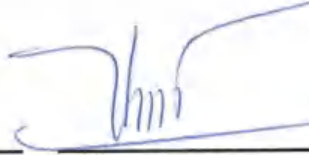
32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này:

| | Mã số | Phân loại và trình bày lại | Đã trình bày trên báo cáo kỳ trước |
|--|-------|----------------------------|------------------------------------|
| | | VND | VND |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ | | | |
| Chi phí tài chính | 22 | 6.809.270.766 | 11.782.065.272 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 13.431.979.625 | 8.459.185.119 |
| Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 13.431.979.625 | 8.459.185.119 |
| Chi phí lãi vay | 06 | 6.795.602.410 | 10.545.714.066 |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 57.840.067.261 | 59.062.750.111 |


Ngô Thị Lan Anh
Người lập


Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Đại
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 07 năm 2017